

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ MỸ THO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 50 /2020/DS-ST

Ngày: 08-9- 2020

V/v *Tranh chấp:*

“ Hợp đồng vay

Tài sản và Bảo lãnh”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ MỸ THO, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Võ Thị Ngọc Hoa.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Lê Văn Hạnh.

+ Bà Lê Thị Hồng Trang

Thư ký phiên tòa ông Phạm Nhật Minh– Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Triệu Thị Ngân Hà - kiểm sát viên.

Trong các ngày 07, 08 tháng 9 năm 2020, tại Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự đã thụ lý số: 146/2019/TLST-DS ngày 22-6-2019 về việc tranh chấp “ Hợp đồng vay tài sản và Bảo lãnh”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử 98/2020/QĐXX-ST ngày 12-8-2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2020/QĐST-DS ngày 27-8-2020 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1959 (có mặt).

Địa chỉ: 47/1, khu phố 10, đường L, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2/ *Bị đơn:* Chị Huỳnh Thị Hà T1, sinh năm: 1974 (vắng mặt).

Địa chỉ: 138/5, khu phố 10, đường L, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

3/ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Hà Thị S, sinh năm: 1950 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: 138/5, khu phố 10, đường L, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bà Nguyễn Ngọc T trình bày:

- Ngày 21-5-2016 chị T1 vay số tiền 50.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời hạn trả tiền vốn, chị T1 vay tiền làm đám cưới cho cháu.

Chị T1 có trả tiền lãi được 12 tháng số tiền 30.000.000 đồng, chị T1 chưa trả tiền vốn, chị T1 còn nợ tiền vốn 50.000.000 đồng

- Ngày 09-7-2016, chị T1 vay số tiền 150.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả tiền vốn, chị T1 vay tiền để cho người bạn làm nhà trọ. Chị T1 có trả tiền lãi được 10 tháng số tiền 75.000.000 đồng, chị T1 chưa trả tiền vốn, chị T1 còn nợ tiền vốn 150.000.000 đồng.

- Ngày 13-4-2017, chị T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả tiền vốn, chị T1 vay tiền để cho thân chủ mua vải cắt đồ bán, Chị T1 chưa trả tiền lãi và tiền vốn, chị T1 còn nợ tiền vốn 100.000.000 đồng.

- Ngày 24-4-2017, chị T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả tiền vốn. Chị T1 chưa trả tiền lãi và trả tiền vốn, chị T1 còn nợ tiền vốn 100.000.000 đồng.

- Ngày 29-4-2017, chị T1 vay số tiền 60.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả tiền vốn. Chị T1 chưa có trả tiền lãi và tiền vốn, chị T1 còn nợ tiền vốn 60.000.000 đồng.

- Ngày 06-5-2017, chị T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả tiền vốn. Chị T1 chưa có trả tiền lãi và trả tiền vốn, chị T1 còn nợ tiền vốn 100.000.000 đồng.

- Ngày 16-5-2017, chị T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả tiền vốn. Chị T1 chưa có trả tiền lãi và tiền vốn, chị T1 còn nợ tiền vốn 100.000.000 đồng.

Tổng cộng chị T1 vay của bà T số tiền 660.0000.000 đồng, chị T1 đã trả tiền lãi cho bà 105.000.000 đồng, tiền vốn 67.000.000 đồng.

Mỗi lần chị T1 vay tiền có ghi vào sổ nhưng đã thất lạc sổ nên đến ngày 01-7-2017 thì chị T1 tổng cộng nợ 660.000.000 đồng nên làm biên nhận nợ ngày 01-7-2017 nợ bà T 660.000.000 đồng.

Biên nhận nợ ngày 01-7-2017 và giấy theo dõi trả nợ do chị T1 viết, Tờ bổ sung ngày 15-02-2020 do bà T viết.

Chị T1 còn nợ tiền vốn 593.000.000 đồng.

Nay bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu chị Huỳnh Thị Hà T1 trả cho bà số tiền vốn 593.000.000 đồng, không yêu cầu tính lại tiền lãi bà đã nhận và không yêu cầu tính lại suất tiếp, trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Chị Huỳnh Thị Hà T1, bà Hà Thị S được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định của pháp luật, nhưng chị T1, bà S không đến tham gia các phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và đối chất và cũng không cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán tuân thủ đúng quy định của pháp luật như mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải tổng đạt các văn bản tố tụng đúng pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa tại phiên tòa tuân thủ đúng quy định pháp luật. Bà Nguyễn Ngọc T tham gia tố tụng trong quá trình

giải quyết vụ án và tại phiên tòa tuân thủ đúng qui định pháp luật. Riêng chị T1, bà S không tuân thủ đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tóm tắt và nhận định nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn của bà Nguyễn Ngọc T, buộc chị T1 trả cho bà T số tiền 550.000.000 đồng và bà S phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho chị T1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Ngọc T và chị Huỳnh Thị Hà T1, bà Hà Thị S là tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản và Bảo lãnh” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

[2] Tại phiên tòa bà Nguyễn Ngọc T yêu cầu Tòa án buộc chị Huỳnh Thị Hà T1 trả cho bà số tiền vốn 550.000.000 đồng và không tính lại lãi suất và không tính lãi suất tiếp. Trả sau 03 tháng khi án có hiệu lực pháp luật. Nếu chị T1 không trả nợ cho bà thì bà S phải có nghĩa vụ trả nợ cho bà.

[3] Tại phiên tòa chị Huỳnh Thị Hà T1, bà Hà Thị S được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Chị T1, bà S không đến tham gia phiên tòa, chị T1, bà S cung cấp văn bản trình bày ý kiến cho Hội đồng xét xử xem xét. Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1,2 Điều 227; Khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Huỳnh Thị Hà T1, bà Hà Thị S.

Xét các yêu cầu của các đương sự:

[1] Xét thấy chị Huỳnh Thị Hà T1 có vay tiền của bà Nguyễn Ngọc T 07 lần tổng cộng số tiền 660.000.000 đồng, cụ thể như sau: Ngày 21-5-2016 chị T1 vay số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 09-7-2016, chị T1 vay số tiền 150.000.000 đồng; Ngày 13-4-2017 chị T1 vay số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 24-7-2017 chị T1 vay số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 29-4-2017 chị T1 vay số tiền 60.000.000 đồng; Ngày 06-5-2017 chị T1 vay số tiền 100.000.000 đồng; Ngày 16-5-2017 chị T1 vay số tiền 100.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, không thỏa thuận thời gian trả tiền vốn, các lần chị T1 vay tiền của bà T có ghi vào sổ, nhưng đã thất lạc. Đến ngày 01-7-2017 chị T1 làm biên nhận nợ bà T tổng cộng số tiền 660.000.000 đồng và xin hứa mỗi tuần trả tối thiểu 5.000.000 đồng, trong quá trình thực hiện chị T1 đã trả cho bà T tiền lãi tổng cộng số tiền 105.000.000 đồng (của lần vay 21-5-2016 và lần vay ngày 09-7-2016), tiền vốn 67.000.000 đồng đến ngày 15-02-2020, thì chị T1 ngưng luôn cho đến nay, chị T1 còn nợ bà T số tiền vốn 593.000.000 đồng, khi chị T1 vay tiền của bà T thì bà Hà Thị S mẹ ruột của chị T1 có bảo lãnh trả nợ thay cho chị T1, biên nhận nợ và giấy theo dõi trả tiền bà T khai là do chị T1 viết. Tòa án tiến hành đối chất nhưng chị T1, bà S không đến tham gia, sau đó chị T1 cung cấp văn bản trình bày ý kiến chị T1 thừa nhận có vay tiền của bà T tổng cộng 660.000.000 đồng và đã trả tiền lãi 160.000.000 đồng, tiền vốn khoảng

100.000.000 đồng, nhưng chị T1 thừa nhận còn nợ bà T 593.000.000 đồng, đồng ý trả nhưng xin trả mỗi tháng 2.000.000 đồng. Riêng bà S có đến Tòa án trình bày ý kiến nhưng bà không tham gia phiên tòa bà thừa nhận biên nhận nợ và phần bà bảo lãnh trả nợ thay cho chị T1 là do chị T1 viết bà ký tên. Chị T1 ngưng thanh toán tiền cho bà T lần cuối ngày 15-02-2020 thời gian ngưng thanh toán nợ cho bà T quá lâu là vi phạm về thời gian trả nợ, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà T. Tại phiên tòa bà T yêu cầu chị Huỳnh Thị Hà T1 trả cho bà số tiền vốn 550.000.000 đồng là có lợi cho chị T1. Do đó yêu cầu của T có cơ sở phù hợp với Điều 463 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T.

[2] Bà Hà Thị S là mẹ ruột của chị Huỳnh Thị Hà T1, khi chị T1 vay tiền của bà T thì bà S có cam kết bảo lãnh trả nợ thay cho chị T1, Bà S thừa nhận biên nhận nợ và phần ghi “Tôi là Hà Thị S ngụ 138/5 Lê Thị Hồng Gấm, phường S, TP M bảo lãnh cho con tôi trả nợ số tiền đó” do chị T1 viết bà lý tên. Xét thấy bà S là người bảo lãnh trả nợ thay cho chị T1. Trường hợp chị T1 không thanh toán nợ hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ cho bà T đúng thời hạn thì bà S phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà T. Tại phiên tòa bà T yêu cầu nếu chị T1 không thanh toán nợ cho bà thì bà S phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho bà. Do đó yêu cầu của bà T phù hợp với khoản 1 Điều 342 Bộ luật dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T.

[3] Tại phiên tòa bà Nguyễn Ngọc T không yêu cầu tính lại số tiền bà đã nhận tiền lãi của chị T1 số tiền 105.000.000 đồng và không tính lãi tiếp. Xét thấy yêu cầu của bà T không yêu cầu tính lại số tiền lãi bà đã nhận và tính lãi tiếp là có lợi cho chị T1 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Về án phí DSST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm d Khoản 1 Điều 12 Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Ngọc T nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, chị Huỳnh Thị Hà T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 26.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Ngọc T sinh năm 1959 bà có đơn xin miễn tạm ứng án phí và án phí dân sự sơ thẩm. Căn cứ vào khoản 1 Điều 12 miễn án phí dân sự tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Hà Thị S sinh năm 1950 không đến Tòa án và cũng không có đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a, khoản 1 Điều 39; Khoản 1,2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng vào các Điều 335; Điều 342; Điều 463; Điều 464; Điều 466; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Xử

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Ngọc T.

- Buộc chị Huỳnh Thị Hà T1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền 550.000.000 đồng. Chị Huỳnh Thị Hà T1 không thanh toán nợ cho bà Nguyễn Ngọc T thì bà Hà Thị S phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Ngọc T số tiền 550.000.000 đồng. Thực hiện sau 03 tháng khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bà Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án chị Huỳnh Thị Hà T1, bà Hà Thị S không thi hành thì chị T1, bà S phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2/Về án phí DSST: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm d Khoản 1 Điều 12 và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp và quản lý sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bà Nguyễn Ngọc T được miễn nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Huỳnh Thị Hà T1 phải chịu 26.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

3/ Bà Nguyễn Ngọc T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ. Chị Huỳnh Thị Hà T1, bà Hà Thị S có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên án vào lúc 14 giờ ngày 08-9-2020 có mặt bà T, vắng mặt bà S, chị T1.

**TM:HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục THA dân sự TP M;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Hoa